TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **165**/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 152/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1988;
- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1993;

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị T và anh Nông Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2017 do Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 14/10/2017 cho chị Bàn Thị T và anh Nông Văn T không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Nông Yến N, sinh ngày 31/01/2018 cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Bàn Thị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nông Văn T và có quyền, nghĩa vụ đi

lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2.2. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Bàn Thị T và anh Nông Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. Về công nợ chung: Chị Bàn Thị T và anh Nông Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. Về án phí:

+ Nguyên đơn chị Bàn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 97 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Bàn Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bị đơn anh Nông Văn T không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 2 - Tuyên Quang;
- UBND xã Phù Lưu (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng